

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KIẾN HƯNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC MẬU LƯƠNG**

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÚP HỌC SINH HỌC TỐT
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở TIỂU HỌC**

Lĩnh vực/ Môn : Lịch sử và địa lí

Cấp học : Tiểu học

Tên tác giả : Lê Văn Cường

Đơn vị công tác : Trường tiểu học Mậu Lương

Chức vụ : Giáo viên

NĂM HỌC 2025 - 2026

MỤC LỤC

PHẦN A: MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
PHẦN B: NỘI DUNG.....	4
1. Cơ sở lý luận	4
2. Thực trạng	6
3. Các giải pháp thực hiện.....	7
3.1. Biện pháp 1: Tạo cho học sinh hứng thú học tập, tính tò mò khám phá, hào hứng khi học môn Lịch sử và địa lí.....	7
3.2. Biện pháp 2: Giúp học sinh hình thành các biểu tượng, khái niệm địa lí.....	8
3.3. Biện pháp 3: Hình thành các mối quan hệ địa lí thông qua bảng số liệu	10
3.4. Biện pháp 4: Hướng dẫn học sinh cách sử dụng bản đồ, biểu đồ, lược đồ, quả địa cầu trong môn Lịch sử và địa lí.....	13
3.5. Biện pháp 5: Sử dụng kênh hình trong giảng dạy môn Lịch sử và địa lí ...	18
3.6. Biện pháp 6: Ứng dụng công nghệ thông tin, AI vào dạy học môn Lịch sử và địa lí	20
3.7. Biện pháp 7: Sử dụng phiếu học tập trong môn Lịch sử và địa lí	21
3.8. Biện pháp 8: Sử dụng trò chơi học tập trong môn Lịch sử và địa lí ..	22
3.9. Biện pháp 9. Sử dụng tục ngữ, ca dao, thơ ca, vè,... trong dạy học Lịch sử và địa lí.....	24
4. Kết quả thực hiện	27
PHẦN C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	29
1. Kết luận	29
2. Kiến nghị.....	30
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

PHẦN A: MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học là môn học bắt buộc, được dạy học ở lớp 4 và lớp 5. Môn học được xây dựng trên cơ sở môn Tự nhiên và Xã hội các lớp 1, 2, 3 và là cơ sở để học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Trung học cơ sở. Môn Lịch sử và địa lí ở Tiểu học là một trong những môn học có vị trí rất quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông.

Nhưng một thực tế việc học tập của học sinh ở Tiểu học hiện nay các em không tích cực học tập môn học này một cách say sưa và tự giác. Các em thường chú trọng vào hai môn học chính là Toán và Tiếng Việt do đó việc nắm bắt kiến thức về Lịch sử và địa lí còn ở mức trung bình. Nhiều giáo viên giảng dạy ở khối lớp 5 còn chưa nắm được đặc điểm tâm lý lứa tuổi của học sinh, việc dạy và học môn Lịch sử và địa lí còn khó với giáo viên và có phần tẻ nhạt với học sinh. Giáo viên cũng chưa thực sự chọn được những phương pháp gây hứng thú mới mẻ trong cách dạy để thu hút các em.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có hướng dẫn giáo viên chủ động điều chỉnh ngữ liệu và số liệu dựa trên tình hình thực tế địa phương trong khi chờ đợi sách giáo khoa tái bản chính thức. Với vai trò là một giáo viên đứng lớp, bản thân tôi luôn chú trọng vào chất lượng giáo dục chung của lớp học được giao phụ trách ở tất cả các môn, trong đó có môn Lịch sử và địa lí. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, tôi thường cùng với các giáo viên trong khối nghiên cứu, thảo luận, thống nhất chuyên môn và quan tâm đến chất lượng học tập của mỗi học sinh, giúp các em học đều các môn, không phân biệt môn nào là chính, môn nào là phụ. Đầu năm học, trong các tuần giao kỳ và xuyên suốt năm học, tôi cùng các giáo viên trong tổ chuyên môn xây dựng tổ chức chuyên đề, rút kinh nghiệm trong công tác giảng dạy cũng như học hỏi lẫn nhau nhằm tìm ra những phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh tại trường mình công tác. Với những trăn trở làm sao chọn được hình thức dạy học và áp dụng linh hoạt các phương pháp cho có hiệu quả, để dạy môn Lịch sử và địa lí ở Tiểu học. Đó không chỉ là vấn đề bản thân tôi suy nghĩ mà hầu hết các giáo viên Tiểu học đều quan tâm. Để làm thế nào môn Lịch sử và địa lí không chỉ cung cấp kiến thức cơ bản cần thiết mà còn là bộ môn khoa học hấp dẫn đối với học sinh. Với lý do trên nên tôi mạnh dạn đưa ra đề tài sáng kiến kinh nghiệm ***“Một số biện pháp giúp học sinh học tốt môn Lịch sử và địa lí ở Tiểu học”*** mong rằng sáng kiến nhỏ này sẽ góp phần vào sự thành công của nhà trường.

Đây là sáng kiến kinh nghiệm có thể được áp dụng ở nhiều lớp trong trường tiểu học Mậu Lương nói riêng và các lớp khối 5 ở các trường tiểu học trên địa bàn phường Kiến Hưng nói chung.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

- Giúp học sinh: Hình thành và phát triển năng lực tự học tập, bước đầu rèn luyện các kỹ năng như: kỹ năng sử dụng bản đồ, kỹ năng nhận xét, so sánh, phân tích số liệu, tranh ảnh, kỹ năng phân tích các mối quan hệ địa lý đơn giản, qua đó bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước đến các em. Môn học đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng thế giới quan và tình cảm của học sinh:

Lòng yêu nước: Tự hào về truyền thống chống giặc ngoại xâm, yêu quý vẻ đẹp thiên nhiên và con người Việt Nam từ Bắc chí Nam.

Ý thức trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo, bảo vệ di sản văn hóa và có trách nhiệm với các quyết định chung của cộng đồng khi thực hiện mô hình chính quyền mới.

Sự ham học hỏi: Khơi gợi tính tò mò về thế giới xung quanh, về cội nguồn dân tộc và các nền văn minh thế giới.

- Giúp giáo viên: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học nhằm nâng cao kiến thức lịch sử và địa lý thông qua bản đồ, lược đồ, tranh ảnh, thơ ca, câu chuyện lịch sử... một cách tốt nhất. Từ đó tạo hứng thú cho học sinh trong học tập môn học này.

Nhiệm vụ: Để thực hiện thành công đề tài tôi thực hiện các nhiệm vụ chính sau đây:

- Nghiên cứu lý luận về nội dung đề tài, tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.

- Khảo sát tình hình và chất lượng học tập của học sinh học tập môn Lịch sử và địa lý hiện nay ở tiểu học nói chung và trường Tiểu học Mậu Lương nói riêng. Từ thực trạng đó đề ra biện pháp có hiệu quả giúp học sinh học tốt môn Lịch sử và địa lý. Từ kết quả thực nghiệm để triển khai và đánh giá kết quả rút ra bài học kinh nghiệm bổ ích đồng thời triển khai mở chuyên đề bồi dưỡng phương pháp dạy học cho giáo viên trong trường Tiểu học Mậu Lương.

Để đạt được các mục tiêu trên, chương trình lớp 5 tập trung vào các mạch nội dung chính:

Đất nước và con người Việt Nam: Vị trí địa lý, hình dáng lãnh thổ, các vùng kinh tế trọng điểm.

Lịch sử dựng nước và giữ nước: Các mốc son chói lọi từ thời kỳ hình thành nhà nước đầu tiên đến công cuộc đổi mới hiện nay.

Tìm hiểu thế giới: Bước đầu làm quen với bản đồ thế giới, các châu lục và một số nền văn minh lớn.

Chủ quyền biển đảo: Khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

3. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- *Đối tượng thực nghiệm:* Áp dụng với 57 học sinh lớp 5A10 - Trường Tiểu học Mậu Lương - phường Kiến Hưng - Tp Hà Nội.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Nghiên cứu các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học môn Lịch sử và địa lí ở Tiểu học hiện nay.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu;

Tôi tiến hành nghiên cứu nội dung về phương pháp dạy học môn Lịch sử và địa lí và một số tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

4.2. Phương pháp khảo sát:

Dựa trên những tư liệu về các chuyên đề đã được nghiên cứu, tôi tiến hành khảo sát đối tượng học sinh, từ đó có cơ sở xây dựng kế hoạch khảo nghiệm sao cho đạt kết quả tốt hơn

4.3. Phương pháp khảo nghiệm vấn đề:

Sau khi đã có kết quả nghiên cứu về việc học tập môn Lịch sử và địa lí của học sinh. Qua đó tôi tiến hành tổ chức khảo nghiệm nhằm đánh giá tính khả thi vấn đề nghiên cứu.

4.4. Phương pháp tổng kết:

Sau khi triển khai thực hiện chuyên đề theo kế hoạch đề ra, tôi đã bám sát kết quả thu được, trên cơ sở đó tôi điều chỉnh cách làm để phù hợp với nội dung nghiên cứu, sau đó tổng kết quá trình thực hiện, từ đó có cơ sở đề xuất những biện pháp thực hiện đại trà đến nhiều học sinh hơn nhằm nâng cao chất lượng học tập môn Lịch sử và địa lí.

Ngoài ra tôi còn sử dụng thêm một số phương pháp nghiên cứu khác để hỗ trợ cho quá trình nghiên cứu của sáng kiến như:

- + Phương pháp quan sát.
- + Phương pháp vấn đáp.
- + Phương pháp thống kê.

PHẦN B: NỘI DUNG

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Môn Lịch sử và địa lí ở Tiểu học góp phần bồi dưỡng cho học sinh thế giới quan khoa học và những quan điểm nhận thức đúng đắn. Lịch sử và địa lí là một môn học có tính tổng hợp. Trong quá trình học tập kiến thức Lịch sử và địa lí, học sinh luôn phải tìm hiểu mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong quá trình phát triển và biến đổi không ngừng của chúng. Những kiến thức đó góp phần hình thành cho học sinh thế giới quan duy vật biện chứng. Học địa lí giúp học sinh nhận thức đúng vai trò của tự nhiên, của con người trong các hoạt động kinh tế - xã hội trên lãnh thổ từ đó góp phần bồi dưỡng cho học sinh quan điểm duy vật lịch sử, tư duy kinh tế, tư duy sinh thái... Giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, thái độ nhiệt tình lao động, ý thức làm chủ và lòng mong muốn góp phần xây dựng quê hương, đất nước. Giúp học sinh nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên trong việc tổ thái độ với các hành động tiêu cực... Qua những tiết học về lịch sử sẽ bồi dưỡng cho học sinh lòng yêu nước, tự hào về truyền thống chống giặc ngoại xâm, yêu quý vẻ đẹp thiên nhiên và con người Việt Nam từ Bắc chí Nam. Có ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo, bảo vệ di sản văn hóa và có trách nhiệm với các quyết định chung của cộng đồng khi thực hiện mô hình chính quyền mới. Khơi gợi tính tò mò về thế giới xung quanh, về cội nguồn dân tộc và các nền văn minh thế giới. Qua việc học địa lí Thế giới giúp học sinh đồng tình với cuộc đấu tranh gian khổ của nhân dân lao động trên thế giới để giành độc lập, dân chủ, tiến bộ và tự do... Tất cả các nhận thức, tình cảm nói trên là những yếu tố cơ bản góp phần hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta việc dạy học nói chung và bồi dưỡng nhân tài nói riêng được chú trọng ngay từ khi dựng nước, lúc sinh thời chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Dân ta phải biết sử ta/ Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”*. Và trên tấm bia tiến sĩ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Tiến sĩ Thân Nhân Trung đã viết lên những câu văn đầy chiêm nghiệm và có giá trị sâu sắc *“Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thế nước lên, nguyên khí suy thế nước xuống.”* Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà Nước việc dạy học nói chung và bồi dưỡng nhân tài nói riêng càng được chú trọng nhằm hình thành những con người có ý thức và đạo đức xã hội chủ nghĩa, có trình độ, có văn hóa, có hiểu biết kỹ thuật, có năng lực lao động cần thiết, có óc thẩm mỹ và có kiến thức tốt để kế tục sự nghiệp Cách mạng vẻ vang của Đảng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với mục tiêu giáo dục: Nâng cao dân trí - Đào tạo nhân lực - Bồi dưỡng nhân tài. Môn Lịch sử và địa lí có khả năng bồi dưỡng cho học sinh một khối tri thức phong phú về tự nhiên - kinh tế - xã hội và những kỹ năng, kỹ xảo hết sức cần thiết trong cuộc sống. Ngoài ra, nó còn có vai trò to lớn trong việc bồi dưỡng cho học sinh về thế giới quan khoa học và những nhận thức đúng đắn, khả năng hình thành cho học sinh nhân cách con người trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình với xã hội hiện đại và năng động này.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có hướng dẫn giáo viên chủ động điều chỉnh ngữ liệu và số liệu dựa trên tình hình thực tế địa phương trong khi chờ đợi sách giáo khoa tái bản chính thức. Thực tế đòi hỏi người giáo viên phải không ngừng cập nhật thông tin, rà soát và cung cấp thêm tất cả các kiến thức mới liên quan đến việc thay đổi chính quyền địa phương 2 cấp, cập nhật những thông tin mới nhất để cung cấp cho học sinh.

Ở bậc Tiểu học từ trước tới nay với quan niệm cho rằng môn Lịch sử và địa lí là môn học phụ. Vì thế dạy và học Lịch sử và địa lí ít được coi trọng, nên chất lượng giảng dạy thấp, học sinh thiếu hứng thú khi học bài, khi học lại chủ yếu là học vẹt để đối phó với giáo viên khi kiểm tra. Vì vậy đa số học sinh nắm kiến thức sơ đẳng về Lịch sử và địa lí còn nhiều hạn chế, số lượng học sinh biết tổng hợp vốn kiến thức về tự nhiên - xã hội, vị trí địa lí của các vùng miền trên đất nước ta còn hạn chế, chưa cảm nhận hết được sự yêu nước nồng nàn của cha ông ta, sự hi sinh gian khổ của biết bao thế hệ đi trước đã ngã xuống để có độc lập, tự do như ngày hôm nay, tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành, nắm được kiến thức cơ bản của môn học vẫn còn cao.

Với mục tiêu trên để học sinh học, thực hành trong thời gian 35 - 40 phút là vô cùng khó khăn, buộc giáo viên phải có biện pháp, hình thức tổ chức dạy học như thế nào giúp học sinh giải quyết hết nội dung kiến thức của bài một cách chủ động tích cực là không dễ. Vậy: *"Có thể làm gì để giúp học sinh yêu thích môn Lịch sử và địa lí?"*, *"Nắm được lịch sử hào hùng của dân tộc từ thời dựng nước, giữ nước cho đến ngày nay; các biểu tượng, khái niệm và các mối quan hệ địa lí đơn giản?"* là một câu hỏi mà bản thân tôi luôn băn khoăn, suy nghĩ để tìm ra những biện pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh, từng giờ học nhằm nâng cao hiệu quả dạy học của môn Lịch sử và địa lí.

2. THỰC TRẠNG

** Về phía giáo viên:*

- Việc dạy các kiến thức lịch sử còn mang tính thụ động, chủ yếu cung cấp thông tin, mốc thời gian, sự kiện lịch sử mà không phân tích rõ về vai trò và ý nghĩa của từng thời kỳ từ dựng nước, giữ nước đến ngày nay.

- Giáo viên chưa chú ý hình thành các biểu tượng địa lí, các khái niệm và mối quan hệ địa lí cho học sinh.

- Hiện nay, nhiều giáo viên khi dạy môn Lịch sử và địa lí đã sử dụng các thiết bị dạy học (bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, tư liệu lịch sử...) để minh họa cho lời giảng của mình nhưng ít chú ý đến việc cho học sinh khai thác kiến thức từ các nguồn này.

Qua theo dõi các tiết dạy của giáo viên, đa số giáo viên đã cố gắng phát huy sử dụng các thiết bị dạy học, rèn kỹ năng sử dụng bản đồ, bảng số liệu, tư liệu, câu chuyện lịch sử... cho học sinh rất hiệu quả nhưng số giờ học kiểu này còn quá ít vì chỉ được thực hiện trong giờ thao giảng, thanh tra hoặc thi giáo viên giỏi. Vì vậy, vấn đề kỹ năng thực hành địa lí, chia sẻ suy nghĩ cho học sinh không được thực hiện thường xuyên.

** Về phía học sinh:*

- Các em xem nhẹ môn Lịch sử và địa lí, coi môn Lịch sử và địa lí là môn phụ dẫn đến các em không chuẩn bị đồ dùng học tập, không học bài, không đọc, soạn bài mới trước khi đến lớp.

- HS lớp 5 sử dụng bản đồ, biểu đồ, đọc thông tin, xử lý bảng số liệu, tư liệu lịch sử, các câu chuyện gắn với các giai đoạn lịch sử... không thành thạo.

- HS lớp 5 xem bản đồ, biểu đồ, lược đồ, xử lý bảng số liệu một cách qua loa lấy lệ, vẫn giữ tình trạng học vẹt, chỉ đọc phần kênh chữ trong sách giáo khoa, không chú ý phần chú giải, tỉ lệ.

Ví dụ: Khi dạy cho học sinh chỉ vị trí dòng sông Hồng, học sinh phải chỉ xuôi theo dòng chảy từ thượng nguồn đến hạ nguồn chứ không chỉ theo hướng từ hạ nguồn đến thượng nguồn hoặc chỉ vào mỗi một vị trí trên dòng sông.

- Khi chỉ vị trí của một thành phố (tỉnh), phường (xã) thì học sinh phải chỉ vào kí hiệu thể hiện thành phố (tỉnh), phường (xã) chứ học sinh không chỉ vào chữ ghi thành phố (tỉnh), phường (xã) đó.

- Khi chỉ về một vùng lãnh thổ (một tỉnh, một khu vực, quốc gia,...) thì học sinh phải chỉ theo đường biên giới khép kín của vùng lãnh thổ đó...

Kết quả khảo sát học sinh lớp 5A10 đầu năm học 2025-2026:

Ngay từ đầu năm học, khi nghiên cứu và thử nghiệm sáng kiến này, tôi đã tiến hành khảo sát vào thời điểm tháng 9/2025 (cho cả lớp làm bài kiểm tra) để kiểm tra lại việc học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài thi.

Kết quả khảo sát như sau:

Tổng số học sinh tham gia khảo sát: 57 em.

Sau khi chấm, phân loại, kết quả như sau:

Tổng số HS	Hoàn thành tốt		Hoàn thành				Chưa hoàn thành	
	Điểm 9-10		Điểm 7-8		Điểm 5-6		Điểm dưới 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
57	5	8,7	24	42,2	22	38,6	6	10,5

Với kết quả trên, tôi đã tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến vì sao chất lượng môn Lịch sử và địa lí chưa cao. Số học sinh đạt điểm tối đa còn rất ít, còn rất nhiều em còn hạn chế về những kiến thức cơ bản của phân môn này. Vậy nguyên nhân do đâu?

Tôi đã khảo sát thực tế và chia ra một số nguyên nhân, cụ thể như sau:

HS không hứng thú học môn Lịch sử và địa lí		HS không nắm được biểu tượng, khái niệm địa lí, mốc thời đại		HS không biết cách chỉ bản đồ, biểu đồ,...		HS chưa biết đọc bảng số liệu	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
28	49,1	14	24,5	18	31,5	25	43,8

Qua tìm hiểu và phỏng vấn học sinh về môn Lịch sử và địa lí chỉ nói không thích học nên không biết cách quan sát bản đồ, lược đồ, tư liệu lịch sử, mốc thời gian,...

Vậy làm thế nào để chất lượng môn Lịch sử và địa lí được hiệu quả hơn so với năm học trước? Đó là một câu hỏi mà tôi luôn băn khoăn, suy nghĩ và mạnh dạn tìm và đưa ra một số biện pháp sau:

3. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

3.1. Biện pháp 1: Tạo cho học sinh hứng thú học tập, tính tò mò khám phá, hào hứng khi học môn Lịch sử và địa lí:

Việc tạo cho học sinh hứng thú học tập trước mỗi giờ học không phải là một việc làm mới hay khó khăn gì. Xong trong thực tế dạy học ở Tiểu học thì không dễ, trước mỗi giờ học các em có vô số lí do để không hào hứng, tập trung vào bài, báo cáo lên giáo viên những việc làm chưa tốt của bạn trước giờ vào

học. Vậy giáo viên phải xử lý các tình huống đó như thế nào cho phù hợp để tạo không khí phấn khởi và tạo hứng thú cho học sinh trước mỗi tiết học là điều không dễ.

Bước vào đầu tiết học Lịch sử và địa lí, tôi thường đưa ra các câu hỏi mở, các câu đố hoặc một bài hát có liên quan đến giờ học tạo cho học sinh sự thoải mái trước khi học bài.

Ví dụ: Khi dạy bài 3 “Biển, đảo Việt Nam”

Để mở đầu cho giờ học, tôi mở bài rất đơn giản: “Hôm nay trời nắng ấm, các em có muốn đi du lịch đến thăm các hòn đảo và quần đảo (đặc khu) của đất nước mình không nào?” Nhiều con mắt thơ ngây nhìn lên với thái độ ngạc nhiên, chờ đợi mong muốn được vào bài học ngay làm tôi thấy rất vui và giờ học hôm đó các em nắm bài rất tốt.

Ngoài ra, khi khởi động, thay vì kiểm tra những kiến thức đơn thuần của các tiết trước, tôi thường cho học sinh điều khiển phần này thông qua các trò chơi, các câu hỏi do chính các em chuẩn bị, các em đều rất hào hứng được thể hiện mình trước lớp. Và để điều khiển phần khởi động tốt, các em đều tự giác ôn lại bài, tự chuẩn bị một số câu hỏi và đáp án liên quan đến bài học trước. Đây cũng là một cách học rất chủ động và hiệu quả.

Thực tế khi nói đến không khí hứng thú học tập ai cũng biết, xong tôi mong rằng tất cả giáo viên chúng ta cần tạo cho học sinh sự thoải mái, không áp lực trước mỗi giờ học thì hiệu quả giờ học sẽ rất tốt. Tâm lí chung của con người làm việc gì thấy thoải mái thì hiệu quả công việc sẽ cao. Với học sinh Tiểu học thì đây là điều các con hào hứng nhất, nếu trong việc học tập các em được thoải mái trao đổi, tự chủ trong việc học thì sẽ mang lại hiệu quả cao.

3.2. Biện pháp 2: Giúp học sinh hình thành các biểu tượng, khái niệm địa lí

Để hình thành biểu tượng, khái niệm địa lí, tôi đã hình thành cho học sinh qua 5 bước, xong tùy thuộc vào nội dung bài học và nội dung của từng phần mà yêu cầu học sinh có các cấp độ khác nhau của khái niệm địa lí.

+ Bước 1: Lựa chọn đối tượng quan sát.

+ Bước 3: Tổ chức hướng dẫn cho học sinh quan sát đối tượng thông qua câu hỏi, bài tập.

+ Bước 4: Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả quan sát được về đối tượng được giao.

+ Bước 5: Động viên, khích lệ cá nhân, nhóm thực hiện tốt nhiệm vụ.

Ví dụ 1: Khi dạy bài 2 “Thiên nhiên Việt Nam” tiết 2.

Việc hình thành kiến thức về một số đặc điểm, vai trò của sông, hồ Việt Nam và mối quan hệ địa lí đơn giản giữa khí hậu và sông, hồ. Thông qua hệ thống kênh hình trong sách giáo khoa, băng hình, tranh ảnh giúp học sinh quan sát và tri giác được nội dung kiến thức. Bài tập hướng dẫn học sinh quan sát và phân tích tranh vẽ để hình thành các biểu tượng về sông ngòi như sau:

Quan sát hình 5, hình 6, trang 13 trong SGK kết hợp với vốn hiểu biết của mình, các con hãy nêu tên một số con sông, hồ nước lớn ở nước ta? Để thực hiện tốt yêu cầu này, tôi hướng dẫn học sinh làm theo các bước sau:

+ Bước 1: Lựa chọn đối tượng quan sát là lược đồ sông ngòi Việt Nam qua tranh trong SGK, trong giáo án điện tử và qua lược đồ phóng to mà giáo viên treo trên bảng lớp.

+ Bước 2: Mục đích quan sát: Yêu cầu học sinh xác định tên các con sông, hồ phù hợp với từng miền có trong lược đồ.

- Sông ở miền Bắc: sông Lô, sông Hồng, sông Đà, sông Thái Bình, sông Mã,...

- Hồ lớn ở miền Bắc: Hồ Ba Bể (*trước là tỉnh Bắc Kạn, nay là tỉnh Thái Nguyên*)

- Sông ở miền Trung: sông Thu Bồn, sông Gianh, sông Cả, sông Đà Rằng,...

- Sông ở miền Nam: sông Đồng Nai, sông Tiền, sông Hậu,...

- Hồ lớn ở miền Nam là hồ Dầu Tiếng (*tỉnh Tây Ninh*)

+ Bước 3: Tổ chức quan sát: Học sinh quan sát theo nhóm đôi để hoàn thành bài tập theo phiếu học tập.

Sông, hồ ở miền Bắc	sông Hồng,
Sông, hồ ở miền Trung	sông Gianh,...
Sông, hồ ở miền Nam	sông Tiền,...

+ Bước 4: Học sinh báo cáo kết quả: Đại diện các nhóm lên bảng vừa chỉ trên lược đồ vừa kể tên các con sông, hồ của vùng miền đó.

+ Bước 5: HS, GV nhận xét, GV động viên khen ngợi học sinh, chốt lại kiến thức.

Như vậy để có biểu tượng về tên các con sông, các hồ lớn ở các vùng miền, các em đã thực hiện theo trình tự 5 bước trên có cập nhật bổ sung kiến thức mới theo chính quyền địa phương 2 cấp sau sáp nhập. Việc hình thành các biểu tượng địa lí thông qua tranh ảnh, lược đồ, các đồ dùng dạy học giúp học sinh nhớ nội dung kiến thức lâu hơn. Bên cạnh đó, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở giúp học sinh tiếp thu bài tốt hơn.

Ví dụ 2: Khi dạy bài 1 “Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, quốc kì, quốc huy, quốc ca” sách giáo khoa trang 5.

Hình thành khái niệm về vị trí, giới hạn. (Hoạt động 1)

Giáo viên sử dụng hệ thống câu hỏi mở cho bước 2 và 3.

+ Bước 1: Giáo viên cho học sinh quan sát lược đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á.

+ Bước 2: GV khai thác kinh nghiệm sống của học sinh bằng cách đặt một số câu hỏi:

Câu 1: Đất nước Việt Nam gồm có những bộ phận nào?

Câu 2: Giáp với những nước nào, đại dương nào?

+ Bước 3: Sau khi khai thác kinh nghiệm sống của học sinh, giáo viên nhận xét bổ sung sau đó đưa thêm câu hỏi để phát hiện dấu hiệu chung, bản chất của vị trí và giới hạn.

Câu 1: Chỉ vị trí phần đất liền của nước ta trên lược đồ.

Câu 2: Phần đất liền của nước ta giáp với những nước nào?

Câu 3: Biển bao bọc phía nào phần đất liền nước ta? Tên biển là gì?

Câu 4: Kể tên một số đảo và quần đảo nước ta.

+ Bước 4: Giáo viên cho học sinh biết cách chỉ giới hạn.

Chỉ giới hạn: dùng que chỉ thành đường cong khép kín.

+ Bước 5: Học sinh nêu khái niệm về vị trí và giới hạn.

Qua cách làm này giúp học sinh nắm rõ khái niệm và kỹ năng chỉ bản đồ về vị trí địa lý, giới hạn tốt hơn và chính xác hơn.

Từ đó giúp học sinh phân biệt được vị trí, giới hạn và cách chỉ vị trí, cách chỉ giới hạn trên lược đồ.

3.3. Biện pháp 3: Hình thành các mối quan hệ địa lý thông qua bảng số liệu.

Việc hình thành các mối quan hệ địa lý đơn giản tôi cũng thường hướng dẫn học sinh theo 5 bước:

+ Bước 1: Xác định mối quan hệ so sánh đơn giản.

+ Bước 2: Soạn hệ thống câu hỏi.

+ Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn học sinh làm việc với các bảng số liệu.

+ Bước 4: Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả.

+ Bước 5: Động viên, khen thưởng những cá nhân, nhóm thực hiện tốt.

Ví dụ 1: Bài 4 “Dân cư và các dân tộc ở Việt Nam”

Hoạt động 2: Gia tăng dân số

Mối quan hệ so sánh cần xác định là số dân nước ta hiện nay, mật độ tăng dân số của nước ta qua 30 năm. Hậu quả của việc tăng nhanh dân số ở Việt Nam. Mối quan hệ giữa dân số, mật độ dân số.

+ Bước 1: Xác định mối quan hệ so sánh đơn giản.

Học sinh quan sát bảng số liệu dân số nước ta trong 30 năm để từ đó so sánh mức độ tăng dân số của nước ta.

Năm	Dân số (triệu người)	Số dân số tăng thêm (triệu người)
1991	67,2	
2001	78,6	11,4
2011	88,1	9,5
2021	98,5	10,4

+ Bước 2: Soạn hệ thống câu hỏi.

Giáo viên đưa hệ thống câu hỏi:

Câu 1: Em hãy đọc tiêu đề của bảng số liệu và suy nghĩ xem chúng ta dùng bảng số liệu này để làm gì?

Câu 2: Xem số liệu trong bảng được biểu diễn bằng những đơn vị nào, thời gian nào?

Câu 3: Đối chiếu các số liệu theo hàng dọc, hàng ngang của bảng số liệu để rút ra nhận xét.

Từ hệ thống câu hỏi trên gợi ý cho học sinh phát hiện ra kiến thức.

+ Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn học sinh làm việc theo nhóm đôi với bảng số liệu theo hệ thống câu hỏi để học sinh đối chiếu so sánh phát hiện ra mức độ tăng dân số của nước ta.

+ Bước 4: Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả khai thác kiến thức từ bảng số liệu. Sau đó, giáo viên cùng học sinh trao đổi, thảo luận nhằm xác nhận và hoàn thiện kết quả đó.

Ngoài bảng số liệu như trong sách giáo khoa, tôi còn cập nhật số liệu mới để học sinh có thể so sánh tình hình dân số nước ta hiện nay: Tổng số dân của Việt Nam vào thời điểm 0 giờ ngày 24/12/2025 là 101.869.163 người. Với kết quả này, Việt Nam là quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới và thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a và Phi-li-pin). So với năm 2009, vị trí xếp hạng về quy mô dân số của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á không thay đổi và giảm 2 bậc so với các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Sau 10 năm, quy mô dân số Việt Nam tăng thêm 10,5 triệu người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giai đoạn 2011 - 2021 là 1,14%/năm, giảm nhẹ so với giai đoạn 10 năm trước (1,18%/năm).

Kết luận: Mức độ tăng dân số của nước ta rất nhanh, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng trên 1 triệu người dẫn đến nhiều hậu quả như chặt phá rừng làm nương rẫy, đói nghèo, ô nhiễm môi trường, quá tải trường học, bệnh viện, ùn tắc giao thông,...

+ Bước 5: Động viên, khen thưởng những nhóm thực hiện tốt.

Ví dụ 2: Bài 4 “Dân cư và các dân tộc ở Việt Nam”

Hoạt động 3: Phân bố dân cư

Mỗi quan hệ so sánh mà học sinh cần nắm thông quan bảng số liệu là: mối quan hệ giữa các tỉnh (thành) và các vùng trên đất nước chúng ta, tôi cho học sinh chọn một số tỉnh thành mới sau sáp nhập để so sánh:

Tên tỉnh (thành)	Vùng (khu vực)	Mật độ dân số năm 2021 (người/km ²)
Lai Châu	Tây Bắc	Dưới 100
Hà Nội	Đồng bằng Bắc Bộ	Từ 1000 người trở lên
Nghệ An	Bắc Trung Bộ	Từ 200 đến dưới 500
Tp Hồ Chí Minh	Đông Nam Bộ	Từ 1000 người trở lên
An Giang	Tây Nam Bộ	Từ 500 đến dưới 1000

Để thực hiện tốt yêu cầu, tôi hướng dẫn học sinh xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập: (áp dụng cho bước 2)

Câu 1: Em hãy đọc tiêu đề của Lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021 ở trang 22, quan sát bảng số liệu mà thầy cung cấp và suy nghĩ xem chúng ta dùng Lược đồ và bảng số liệu này để làm gì?

Câu 2: Bảng số liệu có mấy cột, dòng đầu của các cột đó ghi những gì? Em hiểu thế nào là mật độ dân số?

Câu 3: Các số liệu trong bảng ghi vào thời gian nào? Bảng số liệu biểu thị theo đơn vị nào?

Câu 4: Mật độ dân số của Việt Nam năm 2021 là bao nhiêu? Em hãy đánh dấu x vào ô trống trước ý đúng.

Mật độ dân số Việt Nam	cao	
	trung bình	
	thấp	

Với hệ thống câu hỏi và bài tập như vậy thì:

Khi thảo luận trả lời câu hỏi 1 tức là học sinh đã biết nội dung của bảng số liệu và nắm được mục đích làm việc của nó.

Khi trả lời câu hỏi 2 tức là học sinh đã hiểu nội dung của các cột.

Khi trả lời câu hỏi 3 tức là học sinh đã biết được đơn vị của các số liệu và thời gian đi kèm với chúng.

Khi trả lời câu hỏi 4 tức là học sinh đã rút ra được nhận xét khi đối chiếu các số liệu theo hàng dọc và hàng ngang.

Như vậy, để so sánh mật độ dân số của các vùng ở Việt Nam thông qua Lược đồ và bảng số liệu, học sinh cũng phải thực hiện trình tự các bước của kỹ năng đọc và phân tích số liệu. Từ đó đưa ra kết luận: Nước ta có mật độ dân số khá cao. Dân cư phân bố không đồng đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn,

Qua cách hướng dẫn học sinh nắm được mối quan hệ địa lí đơn giản giúp học sinh nắm bài tốt, hiểu bài sâu và nhớ lâu hơn.

3.4. Biện pháp 4: Hướng dẫn học sinh cách sử dụng bản đồ, biểu đồ, lược đồ, quả địa cầu trong môn Lịch sử và địa lí.

*** Sử dụng bản đồ, lược đồ:**

Bản đồ, lược đồ là loại phương tiện nhiều nhất trong môn Lịch sử và Địa lí. Chúng được sử dụng hầu hết ở tất cả các bài học. Vì vậy kỹ năng sử dụng chúng rất cần thiết. Do đó học sinh phải đọc được các kí hiệu trên bản đồ, lược đồ để khai thác hết các thông tin của bản đồ, lược đồ. Giáo viên cần soạn một số câu hỏi dựa vào bản đồ, lược đồ đó để học sinh biết cách làm việc với chúng.

Sử dụng bản đồ, lược đồ rèn luyện cho học sinh các kỹ năng:

Kỹ năng xác định phương hướng trên bản đồ.

Kỹ năng tìm và chỉ vị trí của các đối tượng địa lí trên bản đồ.

Kỹ năng đọc bản đồ.

Các bước sử dụng bản đồ, lược đồ: Tôi hướng dẫn cho học sinh theo 5 bước.

- + Bước 1: Nắm mục đích làm việc với bản đồ.
- + Bước 2: Xem bảng chú giải để có biểu tượng địa lí cần tìm trên bản đồ.
- + Bước 3: Tìm vị trí địa lí của đối tượng trên bản đồ dựa vào ký hiệu.
- + Bước 4: Quan sát đối tượng trên bản đồ, lược đồ nhận xét và nêu đặc điểm đơn giản của đối tượng.
- + Bước 5: Xác lập mối liên hệ địa lí đơn giản giữa các yếu tố và các thành phần như địa hình và khí hậu: địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người... Trên cơ sở học sinh biết kết hợp những kiến thức bản đồ và kiến thức địa lý để so sánh và phân tích.

Ví dụ 1: Khi dạy bài 1 “Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, quốc kì, quốc huy, quốc ca” sách giáo khoa trang 5.

Hoạt động 1: Vị trí địa lí

HS hoạt động nhóm đôi, đại diện nhóm lên thực hiện theo yêu cầu.

+ Bước 1: Mục đích là làm việc với bản đồ - Học sinh biết được vị trí địa lí của Việt Nam.

+ Bước 2: Đọc bảng chú giải - Chú ý kí hiệu đường biên giới quốc gia.

+ Bước 3: Tìm trên bản đồ, lược đồ.

+ Chỉ phần đất liền của ta.

Lưu ý: Học sinh chỉ phần đất liền không chỉ vào một điểm trên đất nước ta và nói đây là phần đất liền của Việt Nam. Điều này không đúng mà ở đây phải nhấn mạnh và xác định cho các em biết cách chỉ vòng quanh đường biên giới phần đất liền của nước ta.

+ Bước 4: Khi yêu cầu học sinh nêu:

Phần đất liền của ta giáp với những nước nào? Ta phải cho học sinh nhắc lại các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc trên bản đồ. Nếu các em không nhớ giáo viên có thể nhắc lại cho các em nắm bằng cách sau: phía trên bản đồ là hướng Bắc, phía dưới bản đồ là hướng Nam, phía phải là hướng mặt trời mọc (hướng Đông), phía trái mặt trời lặn (hướng Tây). Chỉ và hướng dẫn cho các em biết hướng Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam. Sau đó giáo viên chỉ các hướng trên lược đồ và yêu cầu các em nêu tên hướng. Khi các em đã nắm rõ phương hướng rồi mới yêu cầu các em xác định vị trí tiếp giáp của nước ta trên các hướng đó. Với cách làm trên kĩ năng xác định phương hướng của học sinh được phát huy tối đa.

Cho biết biển bao bọc phía nào phần đất liền nước ta? Tên biển là gì? (Biển bao bọc phía Đông và Đông Nam; tên biển là Biển Đông). HS chỉ phía Đông, Đông Nam của Việt Nam, chỉ vòng quanh Biển Đông.

Kể tên một số đảo và quần đảo ở nước ta?

HS vừa chỉ vừa nêu tên trên lược đồ. (đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ,... quần đảo Hoàng Sa,...)

Qua cách làm ở ví dụ này thì 3 kĩ năng sử dụng bản đồ đã phát huy triệt để ở học sinh làm tiền đề cho các bài học tiếp theo.

Ví dụ 2: Bài 21 “Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á”

Hoạt động 1: Vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á

+ Bước 3: HS sử dụng lược đồ để nêu vị trí địa lý và giới hạn của khu vực Đông Nam thuộc Châu Á.

Giáo viên cho HS chỉ vị trí địa lí của Châu Á theo cách làm ở ví dụ trên.

Bước 4: Qua lược đồ các em biết được: Khu vực Đông Nam Á ở phía đông nam của Châu Á, tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Đông Nam Á có 11 quốc gia, gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

Ngoài ra, giáo viên sẽ mở rộng thêm về SEAGAMES 33 tổ chức tại Thái Lan; 2 lần Việt Nam đã đăng cai ngày hội thể dục thể thao lớn nhất của khu vực (SEAGAMES 22 - 2003; SEAGAMES 31 - 2022)...

Ví dụ: Bài 28 - Ôn tập - SGK trang 116

- Để chuẩn bị cho tiết học này, ngay từ tiết học trước tôi cho các em kẻ sẵn bảng các sự kiện lịch sử tiêu biểu từ năm 1945 đến năm 1986, ngoài ra tôi còn cung cấp thêm cho các con kiến thức trong giai đoạn nước ta bị Thực dân Pháp đô hộ từ năm 1858 - 1945, yêu cầu các em về nhà dựa vào nội dung các bài đã được học hoàn thành bảng thống kê sau:

Thời gian	Sự kiện tiêu biểu	Nội dung cơ bản (ý nghĩa lịch sử) của sự kiện	Các nhân vật lịch sử tiêu biểu
1/9/1958			
3/2/1930			
19/8/1945			
2/9/1945			
7/5/1954			
30/4/1975			
1986			

- Vào tiết học, giáo viên treo bảng thống kê đã hoàn chỉnh nhưng che kín các nội dung.

- Học sinh đọc lại bảng thống kê mình đã làm ở nhà theo yêu cầu chuẩn bị của tiết học trước.

- Giáo viên chọn 1 học sinh giỏi điều khiển hoạt động, nêu câu hỏi:

+ Ngày 1/9/1858 xảy ra sự kiện lịch sử gì?

+ Sự kiện này có nội dung cơ bản hay ý nghĩa gì?

+ Kể tên nhân vật tiêu biểu cho sự kiện lịch sử đó?

- Học sinh cả lớp trả lời, bổ sung ý kiến.

- Học sinh điều khiển kết luận đúng sai, nếu đúng thì mở bảng thống kê, nếu sai yêu cầu bạn khác bổ sung.

- Tôi đóng vai trò làm trọng tài khi học sinh không giải quyết được vấn đề.

Cách làm này đã giúp các em rèn luyện năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, biết chia sẻ sự hiểu biết của mình với bạn, mạnh dạn, tự tin trình bày ý kiến đồng thời phát huy được năng lực tự quản dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

*** Lưu ý:**

Trong dạy học, giáo viên không nên xem bản đồ, lược đồ như một phương tiện minh họa mà phải sử dụng chúng như một nguồn tri thức địa lí quan trọng để từ đó học sinh khai thác kiến thức, rèn luyện kĩ năng. Đồng thời bản đồ, lược đồ được sử dụng thường xuyên trong mọi khâu của quá trình dạy học, từ bài học mới đến ôn tập, kiểm tra, đánh giá kiến thức kĩ năng.

*** *Sử dụng quả địa cầu:***

Sử dụng quả địa cầu trong dạy học phân môn Lịch sử và địa lí lớp 5 là rất cần thiết. Ở lớp 5, khi học sang địa lí thế giới có sử dụng quả địa cầu, rất nhiều giáo viên theo thói quen, đã quay quả địa cầu sai (như vậy là sai kiến thức địa lí). Thầy cô phải quay quả địa cầu theo ngược chiều kim đồng hồ vì quả đất tự quay từ Tây sang Đông. Giáo viên nhất thiết phải hướng dẫn HS điều này và tập các em quay quả địa cầu cho chính xác. Quả địa cầu được sử dụng hầu hết ở các bài của phần địa lí thế giới.

Ví dụ: “Khi dạy bài 22 - Các châu lục và đại dương trên thế giới”

Học sinh quan sát lược đồ các châu lục và đại dương, các em chỉ và nêu tên được 6 châu lục và 5 đại dương (Đại dương mới đưa vào sách giáo khoa là Nam Đại Dương). Sau khi các em đã thực hành trên lược đồ, GV cho HS lên chỉ trên quả địa cầu và đọc tên các châu lục và đại dương. (Lưu ý quay quả địa cầu ngược chiều kim đồng hồ, trái đất tự quay từ Tây sang Đông)

*** *Sử dụng biểu đồ hình cột, bảng số liệu:***

Chương trình Lịch sử và địa lí lớp 5 gồm 1 bài sử dụng đến biểu đồ hình cột, đó là: Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam.

Bảng số liệu được sử dụng trong 4 bài gồm:

- + Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam.
- + Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam.
- + Bài 22: Các châu lục và đại dương trên thế giới.
- + Bài 23: Dân số và các chủng tộc chính trên thế giới

Sử dụng biểu đồ hình cột, học sinh cần theo 6 bước:

Bước 1: Xác định mục đích.

Bước 2: Đọc tên biểu đồ.

Bước 3: Tìm các giá trị được biểu hiện ở trục tung (dọc), hoành (ngang).

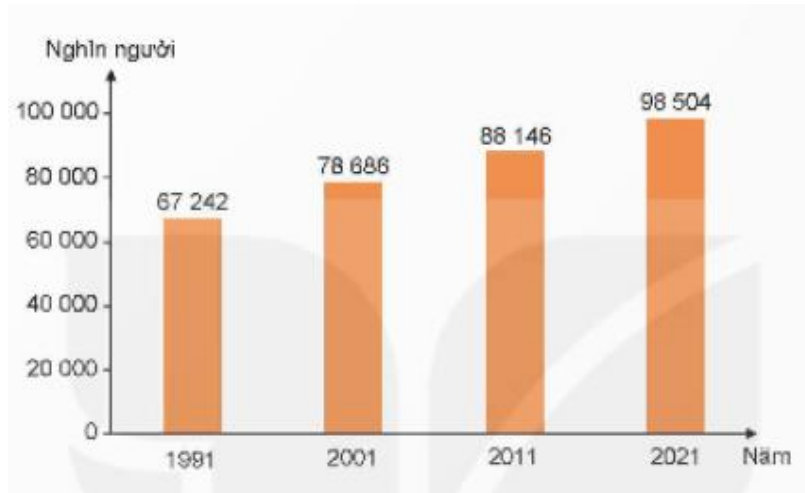
Bước 4: Đọc các số liệu từng cột của biểu đồ và so sánh.

Bước 5: Nhận xét độ cao của các cột.

Bước 6: Đưa ra kết luận.

Ví dụ 1: “Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam.”

Hoạt động 2: Gia tăng dân số



Đối với hoạt động này, giáo viên làm theo 6 bước:

+ Bước 1: Xác định mục đích sử dụng biểu đồ: so sánh sự gia tăng dân số qua các giai đoạn (10 năm).

+ Bước 2: Đọc tên biểu đồ: Biểu đồ dân số Việt Nam qua các năm.

+ Bước 3: Tìm các giá trị được biểu hiện ở trục tung (đọc), hoành (ngang). Trục tung (đọc) số dân. Trục hoành (ngang): các năm.

+ Bước 4: Đọc các số liệu từng cột của biểu đồ và so sánh.

HS đọc các số liệu tương ứng với các năm.

+ Bước 5: Nhận xét độ cao của các cột đưa ra kết luận.

Câu 1: Cột nào cao nhất?

Câu 2: Các cột có chiều cao như thế nào?

Câu 3: Sự gia tăng dân số qua các năm?

+ Bước 6: Đưa ra kết luận: Dân số Việt Nam tăng nhanh theo các thời kì dẫn đến nhiều khó khăn cho việc nâng cao đời sống; gia tăng bệnh tật, quá tải bệnh viện, trường học, tai nạn giao thông,...

Từ các cơ sở trên, học sinh có thể nắm bắt một cách cụ thể kiến thức, cách thức thực hiện công việc của mình trong quá trình học môn Lịch sử và địa lí lớp 5.

* **Sử dụng bảng số liệu:**

Khi hướng dẫn HS tìm hiểu bảng số liệu, GV kết hợp sử dụng lược đồ.

Ví dụ 2: Khi dạy Bài 22- Các châu lục và đại dương trên thế giới.

Hoạt động 1: Vị trí địa lí và giới hạn.

Trong bài này khi đi vào tìm hiểu, so sánh diện tích của các châu lục. Ta không nên cắt bản đồ, lược đồ tự nhiên. Trước khi cho học sinh đọc bảng số liệu thì cho các em nhìn vào lược đồ quan sát đường biên giới của từng châu lục và cho biết châu lục nào có diện tích lớn nhất. Lúc này học sinh nhìn lược đồ trả lời (có thể em thì nói Châu Mỹ lớn nhất, em lại nói Châu Á lớn nhất). Sau đó

GV nêu: Chúng ta có thể tìm hiểu chính xác diện tích các châu lục qua bảng số liệu sau (*lúc này GV đưa bảng số liệu*), yêu cầu các em đọc bảng số liệu, các em sẽ xác định được Châu Á có diện tích lớn nhất, Châu Mỹ có diện tích lớn thứ hai sau Châu Á. Việc kết hợp quan sát trên lược đồ và đọc bảng số liệu các em sẽ nhận biết được châu lục nào nhỏ nhất, lớn nhất và châu lục này lớn hơn châu lục kia khoảng mấy lần. Qua cách làm này HS thực hành kỹ năng quan sát bản đồ, lược đồ, hình thành biểu tượng so sánh mối quan hệ địa lý đơn giản. Từ đó, các em nắm kiến thức ngay tại lớp và nhớ kiến thức lâu và sâu sắc hơn.

BẢNG 1. DIỆN TÍCH CỦA CÁC CHÂU LỤC TRÊN THẾ GIỚI

Châu lục	Châu Á	Châu Âu	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương	Châu Nam Cực
Diện tích (triệu km ²)	44,4	10,3	30,3	42	8,5	14

Một số lưu ý đối với giáo viên khi sử dụng tranh ảnh, bản đồ, biểu đồ, lược đồ, thiết bị và đồ dùng dạy học môn Lịch sử và địa lý lớp 5:

Sử dụng phương tiện dạy học phải phù hợp với nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

Không quá lạm dụng vào đồ dùng dạy học làm mất tác dụng của đồ dùng dạy học.

Đồ dùng dạy học phải vừa phải không quá to hoặc quá bé làm mất đi tính khoa học của đồ dùng.

Trước khi sử dụng 1 đồ dùng giáo viên phải hiểu hết cách sử dụng và ý đồ khi sử dụng cho từng nội dung bài học.

Phương tiện, đồ dùng phải đẹp mắt, rõ ràng, sinh động, học sinh tự thao tác tay làm, mắt thấy, tai nghe, trí óc suy nghĩ... trong khi học và luyện tập, nhờ đó dễ dàng hiểu rõ, nắm vững kiến thức.

3.5. Biện pháp 5: Sử dụng kênh hình trong giảng dạy môn Lịch sử và địa lý

Tư duy học sinh Tiểu học từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Vì vậy trong tất cả các môn học, tranh ảnh là những kênh hình dễ gây hứng thú nhất đối với học sinh. Môn Lịch sử và địa lý cũng rất cần đến những tranh ảnh giúp học sinh nắm vững kiến thức bài học.

Để học sinh quan sát tranh ảnh, tôi thường hướng dẫn học sinh theo 3 bước:

- + Bước 1: Quan sát theo yêu cầu của bài.
- + Bước 2: Trả lời câu hỏi của bài.

+ Bước 3: Rút ra nội dung chính của hoạt động hay của bài học.

Ví dụ 1: Khi dạy bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam.

Hoạt động 4: Dân tộc. (HS làm việc cá nhân)

+ Bước 1: HS đọc phần 1 trang 23.

+ Bước 2: Trả lời câu hỏi của bài.

Câu 1: Nước ta có bao nhiêu dân tộc anh em?

Câu 2: Dân tộc nào có số dân đông nhất và sống chủ yếu ở đâu?

Câu 3: Kể tên một số dân tộc ít người mà em biết.

+ Bước 3: Ngoài tranh đã có trong SGK, tôi còn đưa thêm một số tranh ảnh về các dân tộc Việt Nam để học sinh nắm được một số đặc điểm khác nhau giữa các dân tộc ít người.

Qua các tranh ảnh giúp học sinh biết được thêm nhiều dân tộc ít người trên đất nước và một số dân tộc ít người ở địa phương. Ngoài các dân tộc trên, các em có thể nêu tên 54 dân tộc của đất nước và liên hệ thực tế mình thuộc dân tộc nào? Với cách đưa hình ảnh minh họa này giúp học sinh nắm vững kiến thức về đặc điểm khác nhau của một số dân tộc trên đất nước ta, học sinh biết thêm một số dân tộc ít người của Việt Nam.

Ví dụ 2: Khi dạy bài 17 “Đất nước đổi mới”

Câu hỏi mở rộng trong bài: Kể tên các sân bay quốc tế của nước ta, những thành phố nào có cảng biển lớn bậc nhất nước ta?

Đối với bài này, HS hoàn toàn dựa vào vốn hiểu biết của mình để nêu, xong thực tế nhiều HS vốn hiểu biết còn hạn chế (Vì chưa hoặc ít được đi du lịch) nên việc kể được là khó.

Tôi đưa ra các hình ảnh sân bay quốc tế; thành phố có cảng biển lớn bậc nhất nước ta để các em tiếp thu bài chủ động hơn. Trong đó, sân bay mới nhất đang xây dựng là sân bay quốc tế Long Thành (Đồng Nai) và sân bay quốc tế Gia Bình (Bắc Ninh) đều dự kiến sẽ khánh thành đưa vào sử dụng giai đoạn đầu vào năm 2026

Tên sân bay quốc tế hiện có ở nước ta	Tên tỉnh/Thành phố
Sân bay quốc tế Nội Bài	Thủ đô Hà Nội
Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất	Thành phố Hồ Chí Minh
Sân bay quốc tế Đà Nẵng	Đà Nẵng
Sân bay quốc tế Vân Đồn	Quảng Ninh
Sân bay quốc tế Cát Bi	Hải Phòng
Sân bay quốc tế Vinh	Nghe An
Sân bay quốc tế Phú Bài	Huế

Sân bay quốc tế Cam Ranh	Khánh Hoà
Sân bay quốc tế Phù Cát	Gia Lai (mới)
Sân bay quốc tế Cần Thơ	Cần Thơ
Sân bay quốc tế Phú Quốc	An Giang (mới)

3.6. Biện pháp 6: Ứng dụng công nghệ thông tin, AI vào dạy học môn Lịch sử và địa lí

Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ, ồ ạt của công nghệ thông tin. Phần mềm Microsoft powerpoint đã được ứng dụng vào thực tế giảng dạy. Phần mềm này rất hữu ích và đạt hiệu quả cao trong việc giảng dạy môn Lịch sử và địa lí nói riêng ở khối 4,5 và ở tất cả các môn nói chung. Khi ứng dụng phần mềm này tác dụng của bản đồ, lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu được chuyển sang một tầm mới rất hứng thú đối với học sinh. Các em tiện quan sát đồng thời cũng tiết kiệm được thời gian và công sức trong việc chuẩn bị đồ dùng dạy học cho tiết dạy. Mặt khác, việc liên kết các Slide các hình ảnh được đưa lên minh họa kịp thời cho bài giảng khi HS quan sát xong bản đồ, lược đồ, bảng thống kê, bảng số liệu. Do vậy, tôi chủ động nắm bắt kỹ phần mềm này và thực sự đã phát huy rất hiệu quả bản đồ, lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu,...

Ví dụ: Khi dạy bài 2 “ Thiên nhiên Việt Nam ”

Đối với bài này nếu sử dụng tranh ảnh thì nội dung bài học không thể khắc sâu cho học sinh, học sinh tưởng tượng các cảnh đẹp trên đất nước ta rất khó nếu chỉ qua sự mô tả của giáo viên hoặc của học sinh. Nếu dạy bằng giáo án điện tử thì học sinh được xem rất nhiều cảnh đẹp trên đất nước qua các video, qua tranh ảnh của các cảnh đẹp, các khu du lịch...



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

Ở hoạt động 2: Tôi đưa thêm một số tranh ảnh cho học sinh quan sát qua màn hình một số cảnh đẹp ở nước ta, 1 video du lịch Việt Nam. Với cách đưa các hình ảnh bằng 1 slide với nhiều hình ảnh giúp các em được tận mắt nhìn những cảnh đẹp, từ đó các em mô tả được ngành du lịch của nước ta mà giáo viên không phải chuẩn bị nhiều.

Ngoài ra, trong quá trình lên lớp thông thường xuyên chia sẻ và hướng dẫn các con chuẩn bị bài, ôn tập, hệ thống lại kiến thức của bài, nhất là nội dung ôn tập bằng việc sử dụng AI khi đặt câu lệnh và tìm kiếm thông tin, từ đó giúp học sinh có thể chủ động tiếp thu và lĩnh hội kiến thức một cách chủ động.

Với cách làm này giúp học sinh hứng thú học tập và nắm bài tốt hơn.

3.7. Biện pháp 7: Sử dụng phiếu học tập trong môn Lịch sử và địa lí

* Phiếu học tập là một công cụ giáo viên tiến hành tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh, đồng thời là cơ sở để học sinh tiến hành các hoạt động một cách tích cực, chủ động. Việc sử dụng phiếu học tập nên được sử dụng trong dạy kiến thức mới, ôn tập, kiểm tra,... và thường được diễn ra theo quy trình sau:

* Thiết kế phiếu học tập theo yêu cầu sau:

+ Bước 1: Xác định trường hợp cụ thể của việc sử dụng phiếu học tập.
+ Bước 2: Xác định nội dung của phiếu học tập, cách trình bày nội dung của phiếu học tập và hình thức thể hiện trong phiếu học tập. Nội dung của phiếu học tập được xác định dựa vào mục tiêu của bài học, kiến thức cơ bản, phân bố thời gian, phương pháp và phương tiện dạy học.

+ Bước 3: Viết phiếu học tập: Các thông tin, yêu cầu,... trên phiếu học tập phải được ghi rõ ràng, ngắn gọn, chính xác, dễ hiểu. Phần dành cho học sinh điền các thông tin phải có khoảng trống thích hợp. Cách trình bày phiếu phải đảm bảo tính khoa học, thẩm mỹ.

* Các loại phiếu học tập:

Phiếu học tập dành cho hình thức dạy học cá nhân học sinh:

Ví dụ 1: Bài 11 “Ôn tập”

Bài tập vận dụng: Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai. (phiếu học tập dành cho cá nhân học sinh)

- Đ Nước ta có 54 dân tộc anh em, trong đó dân tộc Kinh có số dân đông nhất.
- S Dân cư nước ta tập trung đông đúc nhất ở vùng núi và cao nguyên.
- Đ Số dân ở thành thị chiếm $\frac{3}{4}$ tổng số dân nước ta.
- Đ Ở nước ta, lúa gạo là loại cây được trồng nhiều nhất.
- Đ Trồng trọt là ngành sản xuất chính trong nông nghiệp của nước ta.
- S Ở nước ta, ngành thủy sản phân bố chủ yếu ở vùng núi và trung du.
- Đ Ngành lâm nghiệp gồm HD trồng, bảo vệ rừng và khai thác gỗ, lâm sản.
- Đ Nước ta có nhiều ngành công nghiệp và thủ công nghiệp.
- S Đường sắt có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hoá và hành khách ở nước ta.

Giáo viên đưa ra phiếu học tập trên cho học sinh làm việc cá nhân, sau đó đại diện học sinh trình bày kết quả. Học sinh trao đổi phiếu học tập cho nhau để kiểm tra kết quả. Giáo viên tiểu kết và đưa ra phương án đúng.

Phiếu học tập dành cho nhóm:

Ví dụ 2: Bài 2 “Thiên nhiên Việt Nam” Hoạt động 2- Khoáng sản. Hình thức thảo luận theo nhóm đôi. (Nêu cả tên địa danh mới hiện nay)

Ngành công nghiệp	Phân bố (ở đâu)
Khai thác than	
Khai thác dầu mỏ	
Nhiệt điện	
Thủy điện	

Với cách sử dụng các phiếu học tập khác nhau cho từng bài sẽ góp phần tạo không khí lớp học sôi nổi khi thảo luận nhóm, học sinh tích cực và chủ động lĩnh hội các kiến thức của bài học.

3.8. Biện pháp 8: Sử dụng trò chơi học tập trong môn Lịch sử và địa lí

Bên cạnh hoạt động học là chủ đạo thì nhu cầu chơi, giao tiếp với bạn bè vẫn tồn tại, cần được thoả mãn. “*Học mà chơi, chơi mà học*” và hiệu quả của việc dạy học được nâng lên rõ rệt. Đây cũng là đặc thù của phương pháp dạy học: phương pháp trò chơi.

Ví dụ 1: Trò chơi: Tôi cần đến đâu?

Khi dạy bài “Lịch sử và địa lí địa phương”

Cách chơi: GV nêu yêu cầu chơi: “*Tôi cần đến đâu?*”. Đây là trò chơi yêu cầu các em cần quan sát kĩ bức tranh các làng nghề truyền thống mà thầy đã

phóng to trên bảng và lắng nghe câu hỏi của thầy giáo hoặc của bạn. Nhiệm vụ của các em là nói được tên nơi thầy hoặc bạn cần đến sau đó lên chỉ nơi đó ở bức tranh trên bảng lớp.

Luật chơi: GV chia lớp thành 2 nhóm A, B. 1 HS nhóm 1 nêu câu hỏi, 1 HS nhóm 2 trả lời, sau đó đổi bên; cứ như vậy cho đến khi nêu hết các bức tranh. Các câu hỏi tham khảo để yêu cầu học sinh chỉ đường là:

Tranh 1: Tôi đang cần mua gôm Bát Tràng, tôi cần đi tới đâu ?

Tranh 2: Tôi muốn có một chiếc chiếu cói, nơi đâu sản xuất chúng?

Tranh 3: Mình rất muốn mua một số đồ như rổ, giá, mây tre đan, mua ở đâu vậy?

Tranh 4: Nhà tôi mới làm xong, tôi muốn có một bộ bàn ghế Đồng Kỵ để bày tại phòng khách, tôi nên mua nó ở đâu ?

Kết thúc cuộc chơi giáo viên hỏi: Chúng ta đã đi đến những địa chỉ nào, đó chính là một số làng nghề thủ công truyền thống của nước ta.

Ví dụ 2: Trò chơi: “Ô chữ bí mật”

Khi dạy bài “Nông nghiệp”, tôi khắc sâu kiến thức cho học sinh bằng trò chơi ô chữ bí mật nhằm mục đích củng cố nội dung bài.

Cách chơi: HS chọn các chữ hàng ngang và trả lời các câu hỏi, sau khi trả lời hết 10 câu hỏi thì ô chữ chìa khóa được xuất hiện.

Luật chơi: GV chia lớp thành 2 nhóm A, B. Mỗi nhóm được quyền chọn 5 lần, mỗi lần trả lời đúng được 1 bông hoa, nhóm nào bấm chuông trả lời đúng từ chìa khóa được 5 bông hoa. Cuối trò chơi nhóm nào được nhiều bông hoa thì nhóm đó chiến thắng.

Câu 1: Có 9 chữ cái. Nơi trồng nhiều cao su, cà phê, hồ tiêu là....

Câu 2: Có 8 chữ cái. Thịt là sản phẩm của ngành nào?

Câu 3: Có 5 chữ cái. Loại cây trồng nhiều nhất ở đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ và vùng núi phía Bắc là cây....

Câu 4: Có 8 chữ cái. Trâu bò được nuôi nhiều nhất ở vùng nào?

Câu 5: Có 7 chữ cái. Đây là nơi trồng nhiều lúa gạo.

Câu 6: Có 3 chữ cái. Nước ta xuất khẩu mặt hàng nông nghiệp gì chiếm hàng đầu thế giới?

Câu 7: Có 9 chữ cái. Nguồn thức ăn ngày càng đảm bảo đã tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi

Câu 8: Có 6 chữ cái. Vùng đồng bằng nuôi nhiều lợn và....

Câu 9: Có 8 chữ cái. Do có khí hậu..... gió mùa nên nước ta đã có nhiều loại cây trồng phát triển.

Câu 10: Có 5 chữ cái. Chúng ta cần khai thác các sản phẩm nuôi trồng như thế nào để bảo vệ môi trường ?

Sau khi học sinh đã trả lời được 10 câu hỏi trên, các em phải tìm ra được từ hàng dọc tương ứng với nội dung của bài. (Từ khoá)

Với trò chơi này, HS nắm vững kiến thức bài nông nghiệp và đặc biệt không khí lớp học sôi nổi, hào hứng.



Việc tổ chức trò chơi giúp học sinh thoải mái, hứng thú hơn trong học tập, tạo cho học sinh cơ hội giao tiếp và nâng cao chất lượng dạy học.

3.9. Biện pháp 9. Sử dụng tục ngữ, ca dao, thơ ca, vè,... trong dạy học Lịch sử và địa lí.

Trong thực tế, phần Lịch sử là môn học có kiến thức liên quan với các môn học khác, chúng có mối quan hệ tác động qua lại mật thiết và bổ sung cho nhau nhiều nhất là môn Tiếng Việt. Lịch sử đề cập đến nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống cho nên việc lồng ghép thơ - ca vào trong giờ dạy Lịch sử là điều không thể thiếu được. Nếu như thơ - ca mô tả những sự kiện bằng hình tượng thì lịch sử tái tạo lại quá khứ bằng những con số, sự kiện cụ thể, điều đó đã tác động lớn đến nhận thức của học sinh. Đã có không ít tác phẩm văn học từ bản thân nó là một tư liệu lịch sử (“Hịch Tướng Sĩ”; “Bình Ngô Đại Cáo”) hay nhạc phẩm (Hành quân xa, ...) là những minh chứng hùng hồn cho mối quan hệ tương đồng giữa lịch sử và văn học. Việc vận dụng thơ ca trong tiết học phần lịch sử giúp cho tiết học trở nên sinh động, bớt nhàm chán hoặc tạo điều bất ngờ lí thú, kích thích sự tò mò, hứng thú trong tiết học. Giải pháp này có thể sử dụng linh hoạt,

tùy vào từng thời điểm đưa thơ ca vào sao cho phù hợp trong tiết học: có thể đưa thơ ca vào phần giới thiệu bài tạo sự lôi cuốn học sinh bước vào tiết học, hoặc đưa vào giữa tiết minh chứng cho nội dung bài học và cũng có thể đưa thơ ca vào cuối tiết học nhằm khắc sâu nội dung bài học.

Ví dụ 1: Bài 14 “Cách mạng tháng Tám năm 1945”

Giáo viên đặt câu hỏi:

Thông qua bài học, em hiểu Bác Hồ là người như thế nào?

Nếu không có Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước thì nước ta sẽ như thế nào?

Giáo viên liên hệ: sau khi rời cảng Nhà Rồng, từ năm 1911 đến 1917, Bác đã bôn ba nhiều năm ở Pháp, Anh, Đức, châu Phi, châu Mỹ,... làm nhiều nghề như làm vườn, quét tuyết, phục vụ khách sạn, chụp ảnh,... và cuối cùng Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn. Hình ảnh của Người đã được nhiều nhà thơ viết như bài thơ “Người đi tìm hình của nước” của tác giả Chế Lan Viên.

Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
Cho tôi làm sóng dưới con tàu đưa tiễn Bác
Khi bờ bãi dần lui làng xóm khuất
Bốn phía nhìn không bóng một hàng tre,
Đêm xa nước đầu tiên, ai ngủ ngủ
Sóng vỗ dưới thân tàu đầu phải sóng quê hương
Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở
Xa nước rồi, càng hiểu nước đau thương.

Mỗi lần đọc đến bài thơ này, một cảm giác xúc động khó tả khi nghĩ đến việc một mình Bác ra đi tìm đường cứu nước. Cảm giác xúc động ấy sẽ truyền tải đến với các em học sinh.

Ví dụ 2: Bài 15 “Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954”.

Hoạt động củng cố: Giáo viên có thể hát hoặc cho học sinh nghe hát qua băng đĩa một bài hát tiêu biểu về chiến thắng Điện Biên Phủ như Hành quân xa của nhạc sĩ Đỗ Nhuận:

*Hành quân xa dẫu qua nhiều gian khổ
vai vác nặng ta đã đổ mồ hôi
Mắt ta sáng chế cãm thù bảo vệ đồng quê ta tiến bước đời chúng ta đâu
có giặc là ta cứ đi
Dù đôi chân qua những chặng đường có mỏi vẫn bước dồn ta hãy hỏi vì đâu
Mấy năm trước sống cơ cực vì bọn giặc kia nó áp bức đời chúng ta đâu
có giặc là ta cứ đi*

Bọn xâm lăng kia nó gây nhiều đau khổ kia đồng bào ta mắt đỏ chờ ta.

Qua bài hát giáo dục các em tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất của nhân dân ta.

Còn với các tiết học liên quan đến kiến thức phần địa lí đã có trong những câu tục ngữ, ca dao. Từ xa xưa, trải qua hàng nghìn năm những câu ca dao tục ngữ đã được cha ông ta đúc kết lại từ những kinh nghiệm thực tế: các mối quan hệ giữa tự nhiên với tự nhiên, giữa thiên nhiên - con người, thiên nhiên - sản xuất, các quy luật thời tiết khí hậu, các quy luật tự nhiên...mặc dù trình độ nhận thức chưa được sâu sắc lắm.

Chính ý nghĩa phong phú và rộng rãi của ca dao, tục ngữ mà nó trở thành một phần trong kho tàng kiến thức của khoa học địa lí. Tận dụng điều này giáo viên có thể làm mới bài giảng của mình giúp bài học trở nên sáng tạo, mới lạ, phong phú hơn và giảm bớt tính khô khan như nhiều người thường nhận xét.

Để rèn luyện kĩ năng học đi đôi với hành, vốn là một kĩ năng còn yếu đối với học sinh khi học môn Địa lí thì việc khai thác ý nghĩa của những câu ca dao, tục ngữ này giúp học sinh cảm thấy dễ dàng liên hệ kiến thức sách vở với các hiện tượng tự nhiên của cuộc sống bên ngoài.

Ví dụ 3: khi dạy bài “Thiên nhiên Việt Nam” giáo viên giúp học sinh biết được sự khác biệt về khí hậu của từng mùa trong năm qua những câu sau:

“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng

Ngày tháng mười chưa cười đã tối”

Hoặc giáo viên có thể cho học sinh nhận biết dự đoán đặc điểm khí hậu của từng mùa, từng tháng trong năm thể hiện qua những *hình ảnh* trong các câu thơ sau:

“Tháng bảy kiến đàn

Đại hàn hồng thủy”

“Con đàng Đông vừa trông vừa chạy”

“Con đàng Nam vừa làm vừa chơi”

“Con đàng Bắc đổ thóc ra phơi”

“Mồng chín, tháng chín có mưa

Thì con sắm sửa cày bừa làm ăn

Mồng chín, tháng chín không mưa

Thì con bán cả cày bừa đi buôn”

“Đói thì ăn ráy, ăn khoai

Chớ thấy lúa trở tháng hai mà mừng”

“Trời nồm tốt mạ, trời giá tốt rau”

“Én bay thấp mưa ngập bờ ao

Én bay cao mưa rào lại tạnh”

“Chuồn chuồn bay thấp thì mưa

Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm”

“Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão”

“Trăng quầng thì hạn trăng tán thì mưa”

Giáo viên có thể giải thích vào tháng 7, mùa hè của miền Trung và Bắc Bộ Việt Nam, nhiệt độ không khí ở trên lục địa cao hình thành khu áp thấp hút gió (khối khí ẩm) từ Thái Bình Dương vào gây nên những trận mưa lớn cùng với sự xuất hiện của các khí áp thấp thường gây nên mưa bão ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Nên trong dân gian mới có câu: *“Con đàng Đông vừa trông vừa chạy”*

Nhưng nếu thấy: *“Con đàng Nam vừa làm vừa chơi”*

Hay: *“Con đàng Bắc đổ thóc ra phơi”*

Do ảnh hưởng của địa hình: dãy Hoàng Liên Sơn ở Bắc Bộ, dãy Trường Sơn Bắc ở Bắc Trung Bộ nên khi có gió Tây Nam chỉ gây mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên. Còn ở vùng đồng bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ và ven biển Nam Trung Bộ không có mưa. Tương tự “con đàng Bắc...” là ảnh hưởng của khối khí ôn đới xuất phát từ cao áp lục địa tính chất lạnh và khô nên không gây mưa cho khu vực này.

Qua những câu ca dao, thơ ca trên chúng ta thấy rằng không những giúp học sinh lĩnh hội kiến thức hiệu quả mà nó còn có ý nghĩa giáo dục rất lớn.

4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Sau một thời gian áp dụng sáng kiến ***“Một số biện pháp giúp học sinh học tốt môn Lịch sử và địa lí ở Tiểu học”*** thì tôi thấy chất lượng của cả thầy và trò đã có sự chuyển biến rõ rệt. Học sinh chủ động tiếp thu bài theo hướng tích cực, chủ động, đó là phương pháp dạy học theo hướng *“thầy thiết kế - trò thi công”*, thầy chỉ giữ vai trò tổ chức điều khiển và hướng dẫn học sinh trong quá trình tìm ra tri thức mới. Học sinh thực hành và tự đúc kết ra kinh nghiệm cho bản thân. Với thời gian dạy học, tìm tòi phương pháp dạy học giúp học sinh lớp 5 học tốt phần cơ bản đến nâng cao. Đây là sáng kiến được mọi người ủng hộ, đánh giá có hiệu quả kinh tế cao, tiết kiệm thời gian, tiền của. Sáng kiến nhận được sự ủng hộ của nhà trường, phụ huynh học sinh và có thể áp dụng vào thực tiễn trong việc dạy và học ở nhiều lớp khác nhau. Sáng kiến được triển khai dựa trên nhiều phương pháp dạy học khác nhau, đặc biệt là phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm, trong đó chú trọng đến khả năng phát triển của học sinh cả về đức, trí, thể, mỹ. Sau khi triển khai thực hiện, tôi đã thu được một số kết quả cụ thể như sau:

Đối với giáo viên: Bản thân tôi đã từng bước nâng cao được tay nghề và có khả năng bồi dưỡng đội ngũ học sinh lớp 5 của trường Tiểu học Mậu Lương đạt kết quả cao hơn. Giáo viên đứng lớp đã nhận thức được tầm quan trọng của

môn Lịch sử và địa lí, từ đó đã tự học, tự bồi dưỡng kiến thức Lịch sử và địa lí cho mình. Giáo viên trong khối đều tự tin hơn khi dạy chuyên đề, thao giảng với môn học này.

Đối với học sinh: Hình thành và phát triển năng lực tự học tập, bước đầu rèn luyện các kĩ năng như: kĩ năng sử dụng bản đồ, kĩ năng nhận xét, so sánh, phân tích số liệu, tranh ảnh, kĩ năng phân tích các mối quan hệ địa lí đơn giản, qua đó bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước đến các em. Môn học đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng thế giới quan và tình cảm của học sinh về lòng yêu nước: tự hào về truyền thống chống giặc ngoại xâm, yêu quý vẻ đẹp thiên nhiên và con người Việt Nam từ Bắc chí Nam. Ý thức trách nhiệm: có ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo, bảo vệ di sản văn hóa và có trách nhiệm với các quyết định chung của cộng đồng khi thực hiện mô hình chính quyền mới. Sự ham học hỏi: khơi gợi tính tò mò về thế giới xung quanh, về cội nguồn dân tộc và các nền văn minh thế giới.

Vì thế kết quả môn Lịch sử và địa lí của các em có nhiều tiến bộ. Giờ học địa lí là giờ học sôi nổi nhất.

Cụ thể kết quả kiểm tra vào cuối tháng 2/2026 của năm học: 2025-2026

Tổng số học sinh tham gia làm bài kiểm tra: 57 em

Tổng số HS	Hoàn thành tốt		Hoàn thành				Chưa hoàn thành	
	Điểm 9-10		Điểm 7-8		Điểm 5-6		Điểm dưới 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
57	31	<i>54,4</i>	20	<i>35,1</i>	6	<i>10,5</i>	0	<i>0</i>

Qua kết quả kiểm tra của lớp 5A10 như trên ta có thể so sánh rõ ràng kết quả hoàn toàn có sự thay đổi lớn (đặc biệt không còn học sinh dưới điểm 5) nhờ những biện pháp mà bản thân tôi đã áp dụng trong quá trình dạy học môn Lịch sử và địa lí.

PHẦN C: KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Đề tài sáng kiến kinh nghiệm “*Một số biện pháp giúp học sinh học tốt môn Lịch sử và địa lí ở Tiểu học*” tuy làm một nội dung không phải quá mới, có thể đã có nhiều giáo viên sử dụng trên toàn quốc. Việc chú trọng đến chất lượng dạy học của từng tiết dạy sẽ rất hiệu quả đến chất lượng chung của cả môn học, sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh... học phù hợp vào dạy học môn Lịch sử và địa lí lớp 5 đã mang lại thành công bước đầu trong công tác đổi mới phương pháp giảng dạy. Với phương pháp mới này, người thầy không còn giữ vai trò trung tâm mà chuyển sang vai trò là người hướng dẫn học sinh khám phá và tiếp nhận kiến thức...

Dùng phần mềm, giáo viên có sẵn những bài giảng điện tử nên tiết kiệm được thời gian chuẩn bị bài ở nhà cũng như chuẩn bị những đồ dùng dạy học cho một tiết Lịch sử và địa lí nên khắc phục được tình trạng thiếu đồ dùng. Hiệu quả bài giảng đạt tiêu chuẩn cao vì giáo viên có thể chỉnh sửa giáo án cho phù hợp với đối tượng học sinh của mình. Giáo viên có nhiều thời gian để quan tâm đến tất cả các đối tượng học sinh, đồng thời có thể linh hoạt tổ chức cho học sinh học nhóm, kết hợp học tập hay tổ chức trò chơi.

Về phía học sinh, các em được thoải mái trước mỗi giờ học tập, các em được sử dụng tranh ảnh, lược đồ, bản đồ, tư liệu lịch sử,...được tiếp cận nhiều đồ dùng học tập thông qua các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học khác nhau giúp học sinh phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập.

Tuy nhiên, căn cứ vào đặc điểm tâm lí và trình độ nhận thức của học sinh tiểu học, cho thấy tư duy của các em còn mang tính cụ thể, nên muốn các em nắm được khái niệm một cách vững vàng và hoàn hảo cần chú ý một số đặc điểm sau trong việc hình thành khái niệm:

Con đường hình thành khái niệm cho học sinh sẽ ngắn và thuận lợi hơn nếu giáo viên biết phát huy và khai thác tốt những kiến thức lịch sử và địa lí có vốn kinh nghiệm sống của học sinh.

Khi hình thành cho học sinh Tiểu học một khái niệm mới, giáo viên cần xác định rõ giới hạn kiến thức sao cho phù hợp với nhận thức của các em.

Việc kiểm tra mức độ hiểu biết về khái niệm địa lí của học sinh không nên chỉ dựa vào việc học thuộc lòng các định nghĩa, mà phải dựa vào việc vận dụng các khái niệm đó vào thực tế.

2. KIẾN NGHỊ

Nhà trường tiếp tục tổ chức các tiết chuyên đề, hội thảo về môn học này để giáo viên chia sẻ những khó khăn khi dạy môn này về cách sử dụng bản đồ, lược đồ, khai thác tranh ảnh, tư liệu lịch sử,... cũng như kinh nghiệm mà họ đã có khi dạy.

Khuyến khích giáo viên dạy môn Lịch sử và địa lí tham gia hội thi, hội giảng...

Đổi mới phương pháp dạy học hiện đang là vấn đề để nâng cao chất lượng dạy học. Đó là một trong những mục tiêu quan trọng nhất trong cải cách giáo dục ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, việc hình thành cho học sinh các khái niệm địa lí, mối quan hệ địa lí đơn giản, kết hợp sử dụng đồ dùng dạy học phù hợp nhằm đổi mới nội dung, phương pháp dạy học là một công việc lâu dài, khó khăn đòi hỏi rất nhiều điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính và năng lực của đội ngũ giáo viên. Do đó, để nâng cao chất lượng môn Lịch sử và địa lí trong thời gian tới, không có gì khác hơn là được đầu tư để không ngừng nâng cao, hoàn thiện và hiện đại hoá thiết bị, công nghệ dạy học; đồng thời hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông để mọi trường học đều có thể kết nối vào mạng Internet.

Trên đây là những suy nghĩ, những việc đã làm đang làm, đang thực hiện trong quá trình công tác, giảng dạy tại trường tôi. Những kết quả gặt hái được chỉ là bước đầu xin được trình bày để đồng nghiệp tham khảo và mong những góp ý chân thành để bản thân hoàn thiện hơn góp phần nhỏ vào phong trào chung trong sự nghiệp giáo dục hiện nay.

Tuy nhiên đề tài của tôi không thể tránh những khiếm khuyết. Kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý cấp lãnh đạo Phòng Văn hóa - Xã hội của phường, Ban giám hiệu nhà trường, các thầy cô đồng nghiệp để đề tài này của tôi được hoàn thiện hơn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Kiến Hưng, ngày 25 tháng 2 năm 2026

Người thực hiện

Lê Văn Cường

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách giáo khoa Lịch sử và địa lí 5.
2. Sách giáo viên Lịch sử và địa lí 5.
3. Sách Thiết kế bài dạy Lịch sử và địa lí 5.
4. Tài liệu đổi mới phương pháp dạy học tiểu học.
5. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.
6. Dạy học phát triển năng lực Lịch sử và Địa lí Tiểu học
(Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
7. Tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn Lịch sử và Địa lí Tiểu học.
(Nhà xuất bản Dân Trí)
8. 699 Câu Hỏi Trắc Nghiệm Lịch Sử - Địa Lí 5
(Nhà xuất bản Hải Phòng - 2011)
9. Tâm lý học Tiểu học.
(Bộ GD - ĐT - Nhà xuất bản Giáo dục -2001)

PHIẾU HỌC TẬP CẬP NHẬT KIẾN THỨC MỚI
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ – LỚP 5
Chủ đề: Hành chính Việt Nam và Chính quyền địa phương 2 cấp

Họ và tên học sinh: Lớp:

Ngày học: / /

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: *Em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất:*

Câu 1: *Số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh của nước ta hiện nay là bao nhiêu?*

- A. 63 tỉnh và thành phố.
- B. 58 tỉnh và 5 thành phố trực thuộc Trung ương.
- C. 34 đơn vị (gồm các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương sau sáp nhập).

Câu 2: *Thành phố nào sau đây mới được công nhận là Thành phố trực thuộc Trung ương trong đợt sắp xếp này?*

- A. Thành phố Huế.
- B. Thành phố Đà Lạt.
- C. Thành phố Buôn Ma Thuột.

Câu 3: *Mô hình chính quyền địa phương 2 cấp sau sáp nhập bao gồm các cấp nào?*

- A. Cấp Tỉnh và cấp Huyện.
- B. Cấp Tỉnh và cấp Xã.
- C. Cấp Huyện và cấp Xã.

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 4: *Điền số liệu thích hợp vào chỗ trống:*

Dựa vào Nghị quyết số 202/2025/QH15, em hãy hoàn thành các thông tin sau:

- Hiện nay, Việt Nam có Thành phố trực thuộc Trung ương.
- Danh sách các thành phố đó là: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ và

Câu 5: *Quan sát và ghi chép về địa phương em:*

- Tên đơn vị hành chính cấp Tỉnh/Thành phố của em hiện nay là:
- Đơn vị Tỉnh/Thành phố của em có bao nhiêu đơn vị hành chính cấp Xã (Phường/Thị trấn) trực thuộc?
- Kể tên 2 di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh nổi tiếng tại tỉnh/thành mới của em:

1.

2.

III. BẢNG SO SÁNH SỰ THAY ĐỔI

Em hãy điền nội dung tương ứng vào cột "Sau sáp nhập (2025)" để thấy sự tinh gọn của bộ máy nhà nước:

Nội dung so sánh	Trước khi sáp nhập	Sau sáp nhập (2025)
Số lượng tỉnh/thành	63 tỉnh/thành phố	
Số cấp chính quyền	3 cấp (Tỉnh - huyện - xã)	
Hệ thống HĐND	HĐND 3 cấp đều có	Chỉ còn HĐND cấp và cấp
Quản lý địa bàn	Chia nhỏ theo huyện	Quản lý tập trung theo mô hình mới

IV. GÓC NHÌN NHÀ ĐỊA LÝ NHÍ

Câu 6: Theo em, việc sáp nhập tỉnh và thực hiện chính quyền 2 cấp mang lại lợi ích gì cho việc quản lý và phát triển kinh tế? (Gợi ý: Tiết kiệm thời gian làm thủ tục, đầu tư hạ tầng đồng bộ hơn,...)

Trả lời:.....
.....
.....

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN:

.....
.....
.....